

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT

Ngày 03 - 02 - 2023

*V/v: Tranh chấp việc phân chia lợi
nhuận trong hợp đồng hợp tác kinh
doanh và kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, ông Hoàng Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Vắng mặt.

Ngày 03/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLPT - DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp việc phân chia lợi nhuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh và kiện đòi tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 8 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2023/QĐXX - PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như H. Nơi ĐKKHTT: Xã TP, huyện C M, thành phố Hà Nội. Tạm trú: Tiểu khu Ngã Ba CM, huyện MS tỉnh Sơn La “ có mặt”.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H. Nơi cư trú: Bản B, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “ có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lò Văn Điệt - Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Hải, đoàn luật sư tỉnh Sơn La “ có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Hợp tác xã Hữu Thành. Địa chỉ: Bản B, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc hợp tác xã “

có mặt”.

Ông Giàng A K. Địa chỉ: Bản Nà Viên, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “ có mặt”.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Như H, bị đơn ông Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Như H trình bày:

Năm 2019, khi ông đang ở Yên Bái thì có ông Nguyễn Đức H gọi điện rủ ông lên Sơn La để làm gỗ cùng. Ông H có nói với ông là lên Sơn La rất nhiều gỗ thông nhưng ông H không biết gì về gỗ nên rủ ông lên khảo sát, nếu được thì hai người làm ăn chung. Sau đó ông, ông H và ông Lò Văn T (phó giám đốc hợp tác xã Hữu Thành) đã bàn bạc làm gỗ tại nhà ông H.

Đầu tháng 6 năm 2021, các ông bắt đầu khai thác gỗ, điểm khai thác gỗ đầu tiên là ở đầu đỉnh dốc Chạm Cọ, thuộc bản Nà Viên, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn gồm 6 hộ. Sau đó tiếp tục khai thác thêm 6 hộ thuộc bản Pá Sung, xã Nà Ót và sau cùng là khai thác 4 hộ còn lại ở dốc Chạm Cọ, thuộc bản Nà Viên, xã Chiềng Kheo. Ông là người trực tiếp giám sát khai thác gỗ của 12 hộ. Thời điểm khai thác gỗ chỉ có một mình ông là người trông nom quản lý thợ. Thỉnh thoảng ông H mới vào, không tham gia làm gì, 04 hộ tiếp theo ông đang làm dở thì ốm, ông H quản lý nốt 04 hộ này nhưng ông H cũng vào rất ít. Chủ yếu là cháu T làm thuê trông coi và quản lý, các ông thuê cháu T và thống nhất trả cho cháu T số tiền 6.000.000đ/tháng. Công việc chính của ông là trông nom quản lý thợ, làm hợp đồng với dân, lo thủ tục giấy tờ cùng kiểm lâm vào rà soát bản đồ để biết địa điểm số lô, số khoảnh và địa điểm của từng hộ gia đình, danh giới rừng phòng hộ và rừng sản xuất, sau đó mới tiến hành lập tờ trình lên huyện. Tất cả những lần đi khảo sát chỉ có ông và trưởng bản Giàng A K hỗ trợ công việc đi cùng, khi chuẩn bị khai thác ông cũng đứng ra mở đường để khai thác chứ không phải ông H, bán gỗ cũng là ông đứng ra bán. Mỗi khi bán xong ông đều điện cho ông H thông báo đã bán gỗ và tiền bán gỗ đều được chuyển vào tài khoản của ông H, nhận được tiền ông H báo cho ông biết khi chưa bị ốm tất cả số gỗ đều do ông bán. Đến ngày 15/9/2021, ông cùng ông H cộng sổ vào thì có bất đồng chênh lệch về tiền, ông đã yêu cầu ông H sao kê tài khoản ngân hàng về số tiền trong sổ ông thì đủ mà trong tài khoản ông H lại thiếu. Ông H không ghi vào sổ 03 xe gỗ ông bán mà ông đã bán và báo cho ông H, 03 xe gỗ này ông bán và đã lấy tiền mặt để đi thanh toán tiền trong dân, còn thừa 8.000.000đ chủ

hàng đã chuyển vào tài khoản của ông H. Trong sổ của ông và cháu T đều có 03 xe gỗ đó, giữa ông và ông H đã xảy ra mâu thuẫn và không thỏa thuận được với nhau do ông H không trả ông số tiền 450.000.000đ (là $\frac{1}{2}$ số tiền lợi nhuận các ông làm ăn có được sau khi kết thúc vụ gỗ). Nay ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông H phải trả cho ông số tiền lợi nhuận từ việc làm gỗ là 450.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên đầu tháng 7 năm 2019, ông Nguyễn Như H có đến gia đình ông chơi và trình bày hoàn cảnh khó khăn nên ông cho ông H ở lại gia đình, có việc gì ông H làm được thì ông bảo H cùng làm, nuôi ông H ăn ở như người nhà. Cuối năm 2020, ông có mua một lô gỗ thông rừng trồng của bà con ở xã Chiềng Kheo, huyện Nà Ót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tháng 6 năm 2021, ông đã thuê cháu Lưu Xuân T quản lý chung, phụ trách việc mua bán gỗ, đo đạc và báo về cho ông số lượng đầu vào, đầu ra sản phẩm. Ông cũng bảo H là ra bãi để phụ giúp cho T khi có người mua gỗ thì đi đo số lượng gỗ bao nhiêu báo về cho ông. Việc mua bán gỗ ông có thống nhất với cháu T là gỗ thành phẩm sau khi mua về ông bán 1.000.000đ/m³ đối với gỗ loại A, còn loại B chỉ bán 700.000đ/m³. Nếu có người mua thì chủ động bán, chỉ cần báo về cho ông số lượng gỗ đo được. Trường hợp khách trả bằng tiền mặt thì phải trả trực tiếp cho ông, hoặc nếu trả cho ai thì phải do ông có ý kiến với khách hàng, không ai được ý nhận tiền của khách. Vì ông còn nhiều công việc khác nên không trực tiếp ở bãi gỗ, mà mọi việc trông coi, quản lý gỗ ở bãi ông đều giao cho cháu T. Đối với H, ông chỉ bảo ông H phục giúp công việc mua bán gỗ và nói rõ phương thức thanh toán tiền như trên.

Trong thời gian thứ tháng 6 đến tháng 8 năm 2021, công việc mua bán gỗ thuận lợi, mỗi lần có khách mua gỗ cháu T và ông H đều báo lại cho ông số lượng và bảo khách hàng chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho ông. Việc thu mua gỗ vì bận nhiều công việc nên thỉnh thoảng ông cũng có đưa tiền nhờ ông H chi trả cho các hộ dân giúp. Ngoài ra ông và H không có bất kỳ quan hệ làm ăn, lao động nào.

Đối với Nguyễn Văn N (Sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ , thị trấn SM, huyện S M, tỉnh Sơn La) là người nhiều lần mua gỗ của ông, những lần trước đều biết ông mới là người có quyền quản lý, sở hữu đối với toàn bộ gỗ tại bãi; sau khi đo đạc lượng gỗ để mua, anh N đều chuyển vào tài khoản ngân hàng cho ông.

Đến ngày 29,30,31/8/2021, ông H và cháu T tiếp tục bán 3 xe gỗ thông cho anh N với tổng số tiền là 161.100.000đ. Sau khi xuất hàng đi cháu T đều

nhắc ông H để yêu cầu anh N chuyển tiền cho ông và được ông H cho biết là đã thấy anh N chuyển tiền cho ông. Nhưng ông không biết gì về việc bán 3 xe gỗ đó, chỉ đến ngày 4/8/2021, ông thấy có 1 khoản tiền 8.000.000đ chuyển vào tài khoản ngân hàng quân đội của ông, ông đoán là có tiền của khách hàng mua gỗ nên có hỏi lại cháu T và ông H xem là số tiền nào, do ai chuyển. Ông H có nói với ông chắc là tiền bán gỗ hôm trước còn thừa thì khách chuyển nốt, ông mới hỏi thì lúc đó mới biết về việc bán 3 xe gỗ ngày 29,30, 31 như trên. Ngày 14/9/2021, khi ông có kết quả sao kê các khoản tiền vào ra trong Ngân hàng thì vẫn không có tiền bán gỗ của 3 ngày 29,30,31/8/2021. Ông H vẫn bảo với ông là số tiền bán gỗ anh N đã chuyển cho ông nhưng khi xem kết quả sao kê từ Ngân hàng, ông H mới thừa nhận là số tiền bán gỗ ông H đã nhận trực tiếp từ Nguyễn Văn N. Ông H lấy lý do là ghi nhầm sổ theo dõi nên không nhớ. Ông yêu cầu ông H hoàn trả lại số tiền bán gỗ mà Nguyễn Văn N thanh toán cho ông thì lúc này ông H mới nói đã tiêu thâm hụt, nhưng không rõ tiền vào việc gì và hiện không còn tiền trả cho ông. Ông H cho rằng tổng số tiền ông H cầm của ông H là 2.168.850.000đ để chi trả tiền cho các hộ dân mình mua gỗ, tiền mua đường, tiền công bốc lên xe, trả cho ông K. Còn lại ông H tiếp tục tiêu âm vào số tiền 43.153.000đ. Ngoài việc ông H tiêu âm vào số tiền như trên, ông H còn có hành vi cố tình khai khống để chiếm đoạt số tiền của ông như sau: Trong số tiền trả cho ông Giàng A K (bản Nà Viên, xã Chiềng Kheo) số tiền 303.280.000đ thì có 215.700.000đ ông H thông báo với ông là tiền mua gỗ của nhà T (trả tiền cho người chịu trách nhiệm khai thác là K). Đến nay khi ông kiểm tra lại thấy số gỗ mua được của nhà ông T chỉ có tổng số là 288,7m³. Nếu nhân với tiền mua gỗ cộng với cả công khai thác công vận chuyển (450.000đ/m³) thì tổng cộng số tiền ông chỉ phải trả cho ông T (K) là 129.915.000đ. Như vậy, số tiền chênh lệch ông H đang cố tình chiếm đoạt mà không nói với ông là 215.700.000đ – 129.915.000đ = 85.785.000đ.

Ngoài ra, trong quá trình đối chiếu sổ sách ông phát hiện ra vào khoảng trung tuần tháng 7 năm 2021, ông H bán của ông 3 xe gỗ với tổng giá trị là 8.500.000đ nhưng không nói với ông. Trong quá trình làm đường ông có nhờ ông H trả cho ông T (trưởng bản Nà Viên) số tiền 10.000.000đ đã giúp ông đưa máy vào mức đường, chuẩn bị cho việc khai thác gỗ. Tổng số tiền hiện nay ông H đã chiếm đoạt là 44.153.000đ + 85.785.000đ + 8.500.000đ - 10.000.000đ = 128.438.000đ. Cùng với hành vi bán trộm 3 xe gỗ vào các ngày 29,30,31/8/2021 với số tiền chiếm đoạt là 169.100.000đ cộng với số tiền mà quá trình làm việc với ông H đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý để chiếm đoạt số tiền của ông số tiền 128.438.000đ. Tổng số tiền mà ông H đã chiếm đoạt của ông là

297.538.000đ.

Do vậy, ông Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Như H phải trả số tiền 297.538.000đ và lãi suất theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả đối chất ngày 30/6/2022, ông H xác định lại yêu cầu khởi kiện đề nghị ông H phải trả số tiền làm gỗ ông H cầm chưa chi trả hết là 138.000.000đ và số tiền chênh lệch bán gỗ khai thác tại rừng ông T với số gỗ là 288,7m³ với số tiền là 85.785.000đ; đề nghị xem xét chi phí ăn ở của ông H trong thời gian ông H ở nhà ông thời gian 1 năm là 36.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 8/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm 1 khoản 1 Điều 35, các Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 209, 215, 504, 505, 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đức H phải trả cho ông Nguyễn Như H số tiền lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh khai thác gỗ khu vực địa bàn xã Nà Ót và Chiềng Kheo (sau khi trừ số tiền gỗ 138.080.000đ ông H đang cầm và trừ số tiền ăn nghỉ tại nhà ông H 36.000.000đ) là 336.635.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức H buộc ông Nguyễn Như H phải trả số tiền lợi nhuận chênh lệch trong việc mua bán gỗ nhà ông Hoàng Huy T (Hoàng Văn T) là 85.785.000đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 22/8/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Như H có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn ông Nguyễn Như H: Bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị ông H phải thanh toán cho ông trong việc hợp tác kinh doanh với số tiền là 690.740.000đ. Ông đã khấu trừ cho ông H số tiền 270.000.000đ là số tiền chi ngoài sổ sách giấy tờ nhưng trong bản án sơ thẩm lại khấu trừ cho ông H 445.500.000đ là không đúng; Số tiền 138.080.000đ ông đang giữ lại đó là số tiền ông bỏ ra chi phí đi lại trong thời gian 2 năm vào việc làm gỗ chung với ông H vì toàn bộ công việc làm trực tiếp là ông có cán bộ kiểm lâm huyện và

các cán bộ xã cùng trưởng bản, các hộ chủ rừng, những người giúp việc cho ông cùng làm chứng nhưng bản án sơ thẩm lại khấu trừ vào lợi nhuận ông được hưởng; đề nghị trả lãi suất ngân hàng từ tháng 10/2021 đối với số tiền 450.000.000đ.

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia lợi nhuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ông chỉ chấp nhận trả tiền cho ông H theo ngày công đã làm việc cho ông bù trừ vào số tiền ông H đã ăn ở tại nhà ông từ cuối năm 2019 đến cuối năm 2020 tổng số tiền là 45.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Như H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức H về việc phân chia phần lợi nhuận có được trong việc thỏa thuận hợp tác làm ăn trong quá trình kinh doanh khai thác gỗ giữa hai bên. Bị đơn ông Nguyễn Đức H không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về phần phân chia lợi nhuận trong việc khai thác gỗ, ông Nguyễn Đức H có yêu cầu phản tố đề nghị ông Nguyễn Như H trả lại số tiền đã cầm và chi tiêu âm vào mục đích cá nhân trong khi phụ giúp ông khai thác gỗ. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp về việc phân chia lợi nhuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh và kiện đòi tài sản; thụ lý, giải quyết vụ án và xác định mối quan hệ pháp luật đúng quy định, đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự được quy của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đơn kháng cáo ngày 19/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Đức H và đơn kháng cáo ngày 22/8/2022 của nguyên đơn ông Nguyễn Như H. Điều được thực hiện đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H và của nguyên đơn ông Nguyễn Như H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Xét việc hợp tác làm ăn chung của ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Như H trong việc khai thác gỗ. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2020, Hợp tác xã Nông nghiệp Hữu Thành do ông Nguyễn Đức H là giám đốc làm đại diện, đã ký hợp đồng kinh tế khai thác rừng trồng sản xuất và trồng lại rừng với các hộ dân tại bản Chiềng Kheo và bản Nà Ốt, huyện Mai

Sơn, tỉnh Sơn La. Việc khai thác rừng trồng sản xuất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Nông nghiệp Hữu Thành là ông Nguyễn Đức H xác nhận ông là người ký tên trong các hợp đồng kinh tế nhưng việc làm ăn mua bán gỗ với các hộ dân chỉ đứng tên Hợp tác xã, thực chất là của cá nhân ông, không liên quan đến các thành viên Hợp tác xã và đã được các thành viên Hợp tác xã xác nhận.

Quá trình khai thác gỗ, ông H khai có anh Lưu Xuân T và ông Nguyễn Như H là người phụ giúp trong việc khai thác, thu mua, bán gỗ lên ở với ông H từ tháng 7 năm 2019. Toàn bộ các khoản chi phí số tiền chi trả cho việc làm gỗ là tiền của ông, tiền bán gỗ thu về cũng được chuyển vào tài khoản của ông. Xét lời khai của những người làm chứng xác nhận ông H và ông H là người hợp tác làm ăn chung. Ông H là người đã đi thực địa, khảo sát cùng với cán bộ kiểm lâm, cán bộ địa chính khảo sát, khoanh lô, khoanh thửa các thửa đất được phép khai thác, cấm mốc khai thác; trực tiếp vào liên hệ đặt vấn đề mua gỗ trong dân. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Nguyễn Như H và ông Nguyễn Đức H không có hợp đồng hợp tác được ký kết bằng văn bản, không có bất cứ sự thỏa thuận nào về vốn góp, phân chia lợi nhuận, chịu rủi ro... chấm dứt quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng kinh tế về khai thác trồng rừng và thủ tục cấp giấy phép khai thác đối với các cơ quan chức năng đều do ông H là người ký kết (có xác nhận của UBND xã Nà Ót và xã Chiềng Kheo) và chịu trách nhiệm toàn bộ trong các hợp đồng kinh tế được ký kết với các hộ dân. Toàn bộ nguồn tiền vốn làm gỗ chi phí khai thác gỗ và quản lý tiền bán gỗ, chi phí trong việc khai thác gỗ đều do ông H lấy danh nghĩa Hợp tác xã chi trả và chưa được quyết toán theo quy định. Việc kiểm soát số tiền mua gỗ vào và bán ra được thực hiện qua tài khoản Ngân hàng của ông H. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, hợp đồng khai thác gỗ ký kết với ông Giàng A K, và tại phiên tòa phúc thẩm ông Giàng A K khẳng định không biết việc hợp tác làm ăn chung với ông H và ông H được thỏa thuận như thế nào ông chỉ cùng với ông H thực hiện việc khai thác gỗ. Nguồn vốn làm gỗ ông H và ông H vay của anh V 250.000.000đ chuyển vào tài khoản của ông H để xác định giữa ông H và ông H có việc hợp tác làm ăn chung là chưa có căn cứ đủ cơ sở để xác định việc Hợp đồng hợp tác và số tiền góp vốn và phân chia lợi nhuận công sức giữa hai bên trong việc kinh doanh khai thác gỗ của ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Như H theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét quá trình khai thác gỗ Hội đồng xét xử xét thấy số lượng gỗ mua vào và bán ra được ghi chép trong sổ cá nhân của ông H, ông H và anh T.

Các đương sự có sự mâu thuẫn nhau về số liệu, không thống nhất được với nhau về số liệu gỗ mua vào và bán ra. Tại biên bản đối chất ngày 30/6/2022, các đương sự thống nhất với nhau về số liệu như sau: Tổng số tiền ông H đã chi vào việc làm gỗ là 2.192.270.000đ. Tổng số tiền ông H đã cầm là 2.330.350.000đ trong đó số tiền ông H cầm theo giấy biên nhận tiền đã ký là 2.168.850.000đ, số tiền ông H cầm của 3 xe gỗ ngày 29,30,31/8/2021 là 161.500.000đ. Số tiền ông H chưa chi hết là 138.080.000đ. Ông H cho rằng số tiền 138.080.000đ là chi phí đi lại của ông trong quá trình khai thác gỗ, nên không đồng ý tính vào phần lợi nhuận có được. Tại sổ ghi tay của ông H có xác nhận của ông H, anh T tổng số gỗ mua vào là 4240,3m³ nhưng ông H khai thực tế số lượng gỗ là 4097,3m³. Cấp phúc thẩm đã yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ để xác định rõ số tiền chi phí trong việc khai thác gỗ để tính ra số lợi nhuận trong việc khai thác lâm sản, các đương sự không cung cấp được chi phí phát sinh để tính ra số lợi nhuận. Tổng số tiền ông H đã chi vào việc làm gỗ là 2.192.270.000đ do ông H chuyển cho ông H giữa hai bên không được quyết toán, không làm rõ được số tiền chi phí ông H đã chi trong các hộ dân. Xét thấy số lượng gỗ mua vào, bán ra cũng như chi phí trong quá trình làm gỗ đều không có tài liệu hóa đơn, chứng từ, chứng cứ chứng minh, không có căn cứ tính ra số lợi nhuận trong việc khai thác gỗ. Các đương sự không thống nhất được với nhau nên không có căn cứ để xác định số tiền lợi nhuận của việc mua bán gỗ. Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H về việc xác định hợp đồng hợp tác và yêu cầu phân chia lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác gỗ.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức H đề nghị ông Nguyễn Như H phải trả ông số tiền 138.000.000đ ông H đang cầm chưa chi trả hết, tiền chênh lệch bán gỗ khai thác tại rừng ông T số tiền 85.785.000đ, chi phí ăn ở của ông Hải trong thời gian 1 năm là 36.000.000đ như đã phân tích ở mục [2.2] do không có cơ sở xem xét số tiền bán gỗ nên không chấp nhận yêu cầu của ông H đối với số tiền 85.785.000đ. Đối với số tiền 138.000.000đ được ông H thừa nhận, phù hợp với biên nhận tiền ông H đã ký; đối với số tiền 36.000.000đ chi phí ăn ở của ông H các bên đều thống nhất nên cần chấp nhận. Ông H phải trả cho ông H số tiền là 174.000.000đ.

Đối với ý kiến của ông H đồng ý trả cho ông H số tiền làm thuê là 45.000.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, giữa ông H và ông H không có thỏa thuận về mức lương nên cần chấp nhận. Ngoài ra, các đương sự không có thỏa thuận với nhau về lãi suất, quá trình làm ăn không xảy ra tranh

chấp nên không có căn cứ chấp nhận tính lãi. Ông H còn phải trả cho ông Hữu số tiền là $174.000.000đ - 45.000.000đ = 129.000.000đ$.

Từ những nhận định phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Như H, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Ông Nguyễn Như H là người khuyết tật miễn án phí dân sự cho ông Nguyễn Như H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Như H, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS - ST ngày 8/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 504, Điều 505 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2,5 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như H buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H phải thanh toán số tiền lợi nhuận từ việc làm gỗ số tiền 690.740.000đ (*Sáu trăm chín mươi triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức H buộc ông Nguyễn Như H phải trả số tiền lợi nhuận chênh lệch trong việc mua bán gỗ nhà ông Hoàng Huy T (Hoàng Văn T) số tiền 85.785.000đ (*Tám mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức H buộc ông Nguyễn Như H phải thanh toán số tiền 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn*).

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, mà bên phải thi hành án

không thi hành khoản tiền nợ trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.”

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Như H. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Như H số tiền 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001562 ngày 4/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Ông Nguyễn Đức H phải chịu 4.289.000đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 7.438.000đ (*bảy triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001584 ngày 18/4/2022, số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 002251 ngày 19/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức H số tiền 3.449.000đ (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/02/2023).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự, NBVQLDS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tuyên

Cầm Văn Thanh

Đỗ Tuấn Long